

Biểu mẫu 18

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế năm học 2024-2025

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô NCS hiện tại
		Tiến sĩ
	Tổng số	
1	Khối ngành IV	09 NCS
2	Khối ngành VI	82 NCS

B. Công khai thông tin về NCS tốt nghiệp (năm 2024)

STT	Khối ngành	Số NCS tốt nghiệp
	Tổng số	
1	Khối ngành IV	06
2	Khối ngành VI	15

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. Khung chương trình đào tạo ngành Dịch tễ học:

TT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
1	Các học phần bổ sung			1
1.1	NCS chưa có bằng thạc sĩ hoặc có bằng thạc sĩ không thuộc ngành đúng hoặc ngành phù hợp		Theo quy định của cơ sở đào tạo thạc sĩ	
	Toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Dịch tễ học			
1.2	NCS đã có bằng thạc sĩ ngành phù hợp		Theo quy định của cơ sở đào tạo thạc sĩ	
	ThS.1	Dịch tễ học nâng cao		
	ThS.2	Dịch tễ học các bệnh phổ biến		
	ThS.3	Thống kê và tin học y học		
	ThS.4	Sức khỏe môi trường		

TT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
2	Các học phần trình độ tiến sĩ		16	1-2
2.1	<i>Học phần bắt buộc</i>		13	
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	
	TS.2	Đánh giá sức khỏe cộng đồng	3	
	TS.3	Đánh giá nguy cơ	3	
	TS.4	Đánh giá can thiệp	3	
2.2	<i>Học phần tự chọn (chọn 1 trong các học phần sau)</i>		3	
	TS.5a	Giám sát dịch tễ học và điều tra vụ dịch	3	
	TS.5b	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm	3	
	TS.5c	Dịch tễ học các bệnh không lây nhiễm	3	
	TS.5d	Dịch tễ học sức khỏe môi trường, sức khỏe nghề nghiệp	3	
	TS.5e	Quản lý và phân tích số liệu	3	
3	Đề cương chi tiết		6	
4	Chuyên đề tiến sĩ		6	
	CD1	Chuyên đề 1: Thực trạng vấn đề sức khỏe cộng đồng	2	
	CD2	Chuyên đề 2: Các yếu tố nguy cơ đối với bệnh tật	2	
	CD3	Chuyên đề 3: Hiệu quả các biện pháp/mô hình can thiệp	2	
5	Luận án Tiến sĩ		80	
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

2. Khung chương trình đào tạo ngành Khoa học y sinh

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
1. Các học phần bổ sung				1
1.1.	NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Khoa học y sinh		<i>Tối thiểu 30 tín chỉ</i>	
1.2.	Đối với NCS có bằng Ths chuyên ngành gần: Học bổ sung			
	ThS.1	Sinh học phân tử tế bào	Theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.2	Vi sinh y học		
	ThS.3	Miễn dịch học		

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
2. Các học phần trình độ Tiến sĩ			16	1-2
2.1. Các học phần bắt buộc: 4 học phần (13 tín chỉ)				
2.2.1	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Khoa học y sinh	4	
2.2.2	TS.2	Quản lý và phân tích số liệu trong nghiên cứu y sinh học	3	
2.2.3	TS.3	Sinh học phân tử ứng dụng	3	
2.2.4	TS.4	Vắc xin và các chế phẩm sinh học	3	
2.2. Các học phần tự chọn (3 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây				
2.2.1	TS.5a	Ứng dụng tin sinh học trong nghiên cứu sinh học phân tử và di truyền	3	
2.2.2	TS.5b	Vi rút y học nâng cao	3	
2.2.3	TS.5c	Vi khuẩn y học nâng cao	3	
2.2.4	TS.5d	Miễn dịch học ứng dụng	3	
3	Đề cương chi tiết		6	
4	Các chuyên đề Tiến sĩ		6	
4.1	CD1	Chuyên đề 1: Tổng quan về vi sinh y học	2	
4.2	CD2	Chuyên đề 2: Phương pháp nghiên cứu về vi sinh y học	2	
4.3	CD3	Chuyên đề 3: Đặc điểm dịch tễ học phân tử của vi sinh gây bệnh	2	
5	Luận án Tiến sĩ		80	1-3/4
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

3. Khung chương trình đào tạo ngành Y học dự phòng

STT	Mã số	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm
1. Các học phần bổ sung				1-2
1.1. NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Y học dự phòng			Tối thiểu 30 tín chỉ	
1.2. NCS có bằng Thạc sĩ ngành phù hợp			Theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.1	Dịch tễ học các bệnh lây và không lây		
	ThS.2	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm		
	ThS.1	Sức khỏe môi trường		
	ThS.2	Sức khỏe nghề nghiệp		
2. Các học phần trình độ Tiến sĩ				
2.1	Các học phần bắt buộc: 4 học phần (14 tín chỉ)		13 TC	1-2

STT	Mã số	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	
	TS.2	Quản lý và phân tích số liệu	3	
	TS.3	Hành vi sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	
	TS.4	Quản lý hệ thống y tế	3	
2.2	Các học phần tự chọn (3 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây		3 TC	1-2
	TS.5a	Đánh giá sức khỏe cộng đồng	3	
	TS.5b	Đánh giá can thiệp		
	TS.5c	Dịch tễ học sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp		
	TS.5d	Dịch tễ học các bệnh không lây nhiễm		
	TS.5đ	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm		
	TS.5e	Đánh giá nguy cơ		
	TS.5g	Giám sát dịch tễ học và điều tra vụ dịch		
	TS.5h	Kinh tế y tế		
	TS.5i	Quản lý chất lượng dịch vụ y tế		
	TS.5k	Quản lý dự án, chương trình y tế		
	TS.5l	Quản lý nguồn lực y tế	6	
	TS.5m	Lập kế hoạch y tế		
3	Đề cương chi tiết		6	
4.	Các chuyên đề tiến sĩ theo các hướng nội dung sau:		6	1- 2
	Chuyên đề 1: Thực trạng của vấn đề sức khỏe liên quan đến luận án		2	
	Chuyên đề 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề sức khỏe liên quan đến luận án		2	
	Chuyên đề 3: Các giải pháp can thiệp vấn đề sức khỏe liên quan đến luận án		2	
5	Luận án Tiến sĩ		80	1-3/4
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

4. Khung chương trình đào tạo ngành Y tế công cộng

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
1. Các học phần bổ sung				1-2
1.1. NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Y tế công cộng			Tối thiểu 30 tín chỉ	
1.2. NCS có bằng thạc sĩ ngành phù hợp			Theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.1	Dịch tễ học		
	ThS.2	Thống kê y học		
	ThS.3	Tổ chức và quản lý y tế		
	ThS.4	Chọn 1 trong 4 môn: - Sức khỏe nghề nghiệp - Sức khỏe môi trường - Dinh dưỡng và VSATVSTP - Giáo dục và nâng cao sức khỏe		
2. Các học phần trình độ Tiến sĩ			13	1-2
2.1. Các học phần bắt buộc: 3 học phần (10 tín chỉ)				
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	
	TS.2	Quản lý và phân tích số liệu	3	
	TS.3	Đánh giá can thiệp	3	
	TS.4	Hành vi sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	
2.2. Các học phần tự chọn (2 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây				
	TS.5a	Kinh tế y tế	3	
	TS.5b	Sức khỏe toàn cầu	3	
	TS.5c	Đánh giá nguy cơ	3	
	TS.5d	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	3	
	TS.5đ	Kiểm soát bệnh do véc tơ truyền và động vật truyền		
	TS.5e	Kiểm soát bệnh không lây nhiễm	3	

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
	TS.5g	Dịch tễ học sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	3	
	TS.5h	Phân tích dịch tễ học chuyên sâu	3	
	TS.5i	Đánh giá sức khỏe cộng đồng	3	
3	Đề cương chi tiết		6	
4	Các chuyên đề Tiến sĩ		6	
	CD1	Chuyên đề 1: Thực trạng các vấn đề y tế công cộng liên quan đến luận án	2	
	CD2	Chuyên đề 2: Các yếu tố liên quan và nguy cơ	2	
	CD3	Chuyên đề 3: Các giải pháp can thiệp	2	
5	Luận án Tiến sĩ		80	1-3/4
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

5. Khung chương trình đào tạo ngành Quản lý y tế

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
1. Các học phần bổ sung				
1.1.	NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Quản lý y tế		Tối thiểu 30 tín chỉ	
1.2.	NCS có bằng thạc sĩ ngành phù hợp			
	ThS.1	Quản lý y tế	Tên môn học và chứng chỉ theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.2	Chính sách y tế		
	ThS.3	Quản lý chất lượng		
	ThS.4	Tổ chức hệ thống y tế		
2. Các học phần trình độ Tiến sĩ			13	1-2
2.1. Các học phần bắt buộc: 3 học phần (13 tín chỉ)				
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	
	TS.2	Quản lý hệ thống y tế	3	
	TS.3	Quản lý và phân tích số liệu	3	

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
	TS.4	Đánh giá sức khỏe cộng đồng	3	
2.2. Các học phần tự chọn (3 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây				
	TS.4a	Quản lý chất lượng dịch vụ y tế	3	
	TS.4b	Quản lý Dự án, chương trình y tế	3	
	TS.4c	Quản lý nguồn lực y tế	3	
	TS.4d	Lập kế hoạch y tế	3	
	TS.4đ	Quản lý phòng xét nghiệm/thí nghiệm	3	
	TS.4e	Đánh giá can thiệp	3	
	TS.4g	Kinh tế y tế	3	
	TS.4h	Hành vi sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	
	TS.4i	Đánh giá nguy cơ	3	
	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LUẬN ÁN TIẾN SĨ			
3	Đề cương chi tiết		6	
4	Các chuyên đề Tiến sĩ		6	
	CĐ1	Chuyên đề 1: Thực trạng các vấn đề quản lý y tế	2	
	CĐ2	Chuyên đề 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý y tế	2	
	CĐ3	Chuyên đề 3: Các biện pháp can thiệp về quản lý/chính sách y tế	2	
5	Luận án tiến sĩ		80	1-3/4
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

6. Khung chương trình đào tạo ngành Vi sinh vật học

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
1. Các học phần bổ sung				
2.1.	NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Học toàn bộ chương trình thạc sĩ ngành Vi sinh vật học		<i>Tối thiểu 30 tín chỉ</i>	
2.2.	NCS có bằng thạc sĩ ngành phù hợp			

STT	Mã số HP	Khung chương trình	Số tín chỉ	Năm học
	ThS.1	Sinh học phân tử tế bào	Tên môn học và chứng chỉ theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ	
	ThS.2	Công nghệ sinh học VSV		
	ThS.3	Vi sinh vật học phân tử		
	ThS.4	Vi sinh vật học môi trường		
	ThS.5	Trao đổi chất ở vi sinh vật		
	ThS.6	Công nghệ protein tái tổ hợp		
	ThS.7	Công nghệ chế tạo sinh phẩm chẩn đoán		
3. Các học phần trình độ Tiến sĩ			16	1-2
2.1. Các học phần bắt buộc: 3 học phần (13 tín chỉ)				
	TS.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	
	TS.2	Quản lý và phân tích số liệu	3	
	TS.3	Vi rút học nâng cao	3	
	TS.4	Vi khuẩn học nâng cao	3	
2.2. Các học phần tự chọn (3 tín chỉ). Chọn 1 trong số những học phần dưới đây				
	TS.4a	Phát hiện và chẩn đoán nhiễm virus	3	
	TS.4b	Phát hiện và chẩn đoán nhiễm vi khuẩn	3	
	TS.4c	Công nghệ sản xuất vắc xin	3	
	TS.4d	Ứng dụng sinh học phân tử trong nghiên cứu vi sinh vật	3	
	TS.4đ	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm	3	
3	Đề cương chi tiết		6	
4	Các chuyên đề Tiến sĩ		6	2
	CD1	Vi sinh vật đại cương	2	
	CD2	Các phương pháp nghiên cứu chuyên sâu	2	
	CD3	Chuyên đề tự chọn liên quan đến luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh	2	
5	Luận án tiến sĩ		80	1-3/4
	Tổng số tín chỉ (2+3+4+5)		108	

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Bệnh viêm não Nhật Bản	2010	
2	Virus Rota: Dịch tễ, miễn dịch và vắc xin	2010	
3	Nhiễm trùng bệnh viện	2010	
4	Virus Y học	2010	
5	Vi khuẩn y học	2011	
6	Mycobacterium Tuberculosis và các phương pháp nghiên cứu, chẩn đoán	2011	
7	Thực hành đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm vi sinh	2011	
8	Dịch tễ học nhiễm HIV/AIDS	2011	
9	Xét nghiệm một số vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm	2012	
10	Thực hành và quản lý phòng xét nghiệm	2012	
11	Cúm A/H1N1/09 đại dịch tại Việt Nam	2012	
12	Xét nghiệm chẩn đoán vi khuẩn (chương trình đào tạo nâng cao)	2012	
13	Xét nghiệm chẩn đoán vi rút (chương trình đào tạo nâng cao)	2012	
14	Dịch tễ học (giáo trình giảng dạy sau đại học)	2013	
15	Quy trình xét nghiệm vi sinh vật y học	2013	
16	Dịch tễ học phân tử virus viêm não Nhật Bản	2014	
17	Vi rút đại và các phương pháp chẩn đoán	2014	
18	Vi rút viêm não Nhật bản. Giám sát bệnh và các kỹ thuật xét nghiệm	2014	
19	Truyền thông nguy cơ phòng chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và mới nổi (tài liệu đào tạo dành cho giảng viên tuyến trung ương)	2016	
20	Truyền thông nguy cơ phòng chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và mới nổi (tài liệu đào tạo dành cho học viên tuyến cơ sở)	2016	
21	Truyền thông nguy cơ phòng chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và mới nổi (tài liệu	2016	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
	đào tạo dành cho học viên tuyển trung ương và tuyển tỉnh)		
22	Peple living with HIV in Vietnam. Factors Affecting rick taking, Health and help seeking behaviour	2016	
23	Giáo trình Tổ chức và Quản lý y tế	2017	
24	Tài liệu hướng dẫn giảng dạy xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em	2017	
25	Vi khuẩn lao: sự tiến hóa, kháng thuốc và các kỹ thuật sinh học phân tử	2017	
26	Thống kê Y sinh học ứng dụng (GT giảng dạy SDH)	2017	
27	Phòng tránh các bệnh thường gặp theo mùa	2018	
28	Virus Cúm và phát triển vaccine Cúm tại Việt Nam (Sách chuyên khảo)	2018	
29	Hỏi - đáp về HPV và các bệnh liên quan	2019	
30	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng nhiễm HPV và ung thư cổ tử cung	2019	
31	Vi rút Y học (Giáo trình giảng dạy sau đại học)	2020	
32	Nâng cao kỹ năng tư vấn và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng	2020	
33	Phương pháp tính cỡ mẫu và chọn mẫu trong nghiên cứu y sinh học	2020	
34	Nâng cao kỹ năng tư vấn và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng	2020	
35	Xoắn khuẩn vàng da: Dịch tễ, lâm sàng và chẩn đoán	2021	
36	Sốt xuất huyết Dengue và một số biện pháp dự phòng	2021	
37	Phương pháp nghiên cứu trong y sinh học	2021	
38	Dịch tễ học: Giáo trình bậc đại học	2021	
39	Giám sát và phòng chống côn trùng và động vật y học của một số bệnh phổ biến ở người	2021	
40	Chẩn đoán bệnh Covid-19 trong phòng thí nghiệm	2022	
41	Chẩn đoán bệnh Sốt xuất huyết Dengue trong phòng thí nghiệm	2022	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
42	Chẩn đoán bệnh Tay chân miệng trong phòng thí nghiệm	2022	
43	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	2023	
44	Dược thư quốc gia Việt Nam (tái bản lần 3)	2023	
45	Khuyến cáo lịch tiêm chủng vắc xin cho mọi lứa tuổi	2023	
46	Những điều cần biết về vắc xin COVID-19	2023	
47	Thực hành tiêm chủng an toàn	2023	
48	Dự phòng bệnh do não mô cầu ở Việt Nam	2024	
49	Sổ tay kiến thức về HIV kháng thuốc	2024	

E. Công khai thông tin về luận án tốt nghiệp

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Thời gian bảo vệ: từ tháng 01-12/2024

STT	Tên đề tài – Chuyên ngành, mã số	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thực trạng và hiệu quả nâng cao kiến thức, thái độ, thực hành của phụ nữ tuổi sinh đẻ và dịch vụ sàng lọc trước sinh tại tỉnh Bình Dương. <i>Ngành: Y tế công cộng – 9 72 07 01</i>	Bùi Minh Hiền	1. PGS.TS. Trần Văn Hưởng – Bệnh viện đa khoa Nam Anh, tỉnh Bình Dương 2. TS. Vũ Hải Hà – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-bui-minh-hien
2	Hiệu quả can thiệp nâng cao kỹ năng tư vấn của cán bộ trạm y tế xã nhằm tăng khả năng sử dụng dịch vụ y tế của người sử dụng ma túy nhiễm HIV ở 4 tỉnh miền Bắc. <i>Ngành: Y tế công cộng – 9 72 07 01</i>	Hà Thị Cẩm Vân	1. PGS.TS. Lê Anh Tuấn – Viện VSDTTU 2. GS.TS. Vũ Sinh Nam – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-ha-thi-cam-van

STT	Tên đề tài – Chuyên ngành, mã số	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
3	Sự lưu hành và khả năng ly giải của thực khuẩn thể tả (vibriophage) ở môi trường nước ngoài cảnh tại một số tỉnh miền Bắc Việt Nam. <i>Ngành: Y tế công cộng – 62 72 03 01</i>	Lại Vũ Kim	1. TS. Nguyễn Đồng Tú - Viện VSDTTU 2. PGS.TS. Đặng Đức Nhu – Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-lai-vu-kim
4	Thực trạng cong vẹo cột sống ở học sinh tiểu học dân tộc Khmer và hiệu quả giải pháp can thiệp phòng tại một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. <i>Ngành: Vi sinh vật học – 62 42 01 07</i>	Phạm Thanh Vũ	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Thùy Dương – Viện VSDTTU 2. GS.TS. Nguyễn Văn Tập – Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-luan-an-sau-bao-ve-cap-vien-cua-ncs-pham-thanh-vu
5	Thực trạng hiện nhận tình trạng, noãn trong điều trị vô sinh và kết quả thử nghiệm phần mềm quản lý thông tin tại cơ sở hỗ trợ sinh sản. <i>Ngành: Y tế công cộng – 62 72 03 01</i>	Nguyễn Thị Huyền Linh	1. PGS.TS. Lê Hoài Chương – Bệnh viện Phụ sản Trung ương 2. TS. Nguyễn Thị Phương Liên – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-nguyen-thi-huyen-linh
6	Muỗi cát (Diptera: Psychodidae) và thực trạng nhiễm Flavivirus và Leishmania tại 6 tỉnh miền Bắc Việt Nam. <i>Ngành: Vi sinh vật học – 62 42 01 07</i>	Trần Hải Sơn	1. TS. Trần Vũ Phong – Viện VSDTTU 2. PGS.TS. Nguyễn Lê Khánh Hằng - Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-tran-hai-son
7	Xác định tác nhân gây não úng thủy và nhiễm trùng sơ sinh bằng phương pháp giải trình tự RNA và 16S rRNA tại Bệnh viện Nhi Trung ương. <i>Ngành: Vi sinh vật học – 62 42 01 07</i>	Ngô Khánh Phương	1. GS.TS. Đặng Đức Anh - Viện VSDTTU 2. PGS.TS. Hoàng Thị Thu Hà - Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-ngo-khanh-phuong

STT	Tên đề tài – Chuyên ngành, mã số	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
8	Kết quả sàng lọc ung thư đại trực tràng và hiệu quả một số biện pháp can thiệp dự phòng ung thư. <i>Ngành: Y học dự phòng – 9 72 01 63</i>	Lê Văn Tâm	1. PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình – Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch 2. TS. Nguyễn Thành Chung – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-le-van-tam
9	Thực trạng nhiễm vi rút viêm gan B ở người Khmer trưởng thành tỉnh Trà Vinh và hiệu quả một số giải pháp can thiệp dự phòng lây nhiễm tại cộng đồng 2021-2022. <i>Ngành: Y học dự phòng – 9 72 01 63</i>	Lê Thị Diễm Trinh	1. PGS.TS. Lê Anh Tuấn - Viện VSDTTU 2. TS. Trần Đại Quang - Bộ Y tế	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-le-thi-diem-trinh
10	Một số đặc điểm dịch tễ, yếu tố liên quan và căn nguyên vi rút của vụ dịch Covid-19 tại nhà máy POYUN tỉnh Hải Dương, năm 2021. <i>Ngành: Dịch tễ học – 9 72 01 17</i>	Phan Tân Dân	1. PGS.TS. Phạm Ngọc Hùng - Học viện Quân y 2. GS.TS. Lê Thị Quỳnh Mai – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-phan-tan-dan
11	Tình trạng kháng thể IgG kháng sởi ở trẻ 2-9 tháng và tính an toàn, tính sinh miễn dịch sau tiêm vắc xin sởi MVVAC cho trẻ 6-8 tháng tuổi tại huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. <i>Ngành: Y tế công cộng – 9 72 07 01</i>	Bùi Huy Phương	1. PGS.TS. Dương Thị Hồng - Viện VSDTTU 2. PGS.TS. Nguyễn Thị Hiền Thanh - Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-bui-huy-phuong

STT	Tên đề tài – Chuyên ngành, mã số	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
12	Yếu tố ảnh hưởng tới sự hài lòng của người bệnh ngoại trú về chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế và hiệu quả can thiệp tại Trung tâm y tế huyện, tỉnh Bình Dương. Ngành: Vệ sinh xã hội học và Tổ chức y tế – 62 72 01 64	Từ Tấn Thứ	1. GS.TS. Đào Văn Dũng – Ban Tuyên giáo Trung ương 2. PGS.TS. Trần Văn Hưởng – Bệnh viện đa khoa Nam Anh, tỉnh Bình Dương	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-tu-tan-thu
13	Nghiên cứu một số đặc điểm hệ gen của các chủng vi khuẩn lao kháng thuốc phân lập từ bệnh nhân lao kháng Rifampicin tại Hà Nội năm 2020-2022. Ngành: Vi sinh vật học – 62 42 01 07	Khiếu Thị Thúy Ngọc	1. PGS.TS. Nguyễn Nguyễn Văn Hưng – Bệnh viện Phổi Trung ương 2. TS. Nguyễn Thị Vân Anh – Văn phòng Tổ chức FIND Việt Nam	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-khieu-thi-thuy-ngoc
14	An toàn tiêm chủng và đáp ứng kháng thể của mũi tiêm bổ sung vắc xin bạch hầu cho trẻ 7 tuổi tại một huyện miền núi phía Bắc Việt Nam năm 2020. Ngành: Y học dự phòng – 9 72 01 63	Trần Thị Lan Anh	1. PGS.TS. Dương Thị Hồng – Viện VSDTTU 2. PGS.TS. Hoàng Thị Thu Hà – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-tran-thi-lan-anh
15	Nghiên cứu đáp ứng kháng thể kháng SARS-CoV-2 trong quần thể người nhiễm và người tiếp xúc tại một số tỉnh miền Bắc và miền Trung Việt Nam, 2020-2021. Ngành: Vi sinh vật học – 62 42 01 07	Lê Thị Thanh	1. GS.TS. Lê Thị Quỳnh Mai – Viện VSDTTU 2. TS. Hoàng Vũ Mai Phương – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-le-thi-thanh

STT	Tên đề tài – Chuyên ngành, mã số	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
16	Đặc điểm phân tử của SARS-CoV-2 tại miền Bắc và miền Trung Việt Nam, 2020-2021. <i>Ngành:</i> Vi sinh vật học – 62 42 01 07	Nguyễn Vũ Sơn	1. PGS.TS. Nguyễn Lê Khánh Hằng – Viện VSDTTU 2. TS. Hoàng Vũ Mai Phương – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-nguyen-vu-son
17	Thực trạng tuân thủ điều trị ARV và hiệu quả can thiệp bằng ứng dụng Zalo ở nam quan hệ tình dục đồng giới nhiễm HIV tại một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh điều trị bằng thuốc kháng HIV ở Hà Nội. <i>Ngành:</i> Y tế công cộng – 9 72 07 01	Vũ Thị Bích Hồng	1. PGS.TS. Lê Minh Giang – Trường Đại học Y Hà Nội 2. TS. Phạm Hồng Thắng – Viện VSDTTU	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-vu-thi-bich-hong
18	Thực trạng mắc triệu chứng trầm cảm ở bà mẹ sau sinh non tại một số bệnh viện Phụ sản khu vực Hà Nội và kết quả can thiệp. <i>Ngành:</i> Vệ sinh xã hội học và Tổ chức Y tế - 62 72 01 64	Nông Minh Hoàng	1. PGS.TS. Vũ Văn Du – Bệnh viện Phụ sản Trung ương 2. TS. Phạm Phương Lan – Bệnh viện Phụ sản Trung ương	Xem tại đây: https://nihe.org.vn/vi/thong-tin-ve-cac-ket-luan-moi-cua-luan-an-ncs-nong-minh-hoang

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức:

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội nghị triển khai vắc xin Rota trong chương trình tiêm chủng mở rộng và Hội nghị khoa học thường niên Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương năm 2024.	Tháng 10/2024	Viện VSDTTU	200

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
Cấp Nhà nước						
1	Đánh giá ảnh hưởng của kháng thể tồn lưu kháng vi rút Dengue, viêm não Nhật Bản, zika đến khả năng nhiễm vi rút Dengue tại Việt Nam, Thái Lan và vai trò của kháng thể trung hoà phổ rộng mới đặc hiệu nhóm Flavivirus.	GS.TS. Lê Thị Quỳnh Mai		3/2023-12/2025	3.230	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đang thực hiện
2	Đặc điểm dịch tễ học, gánh nặng bệnh tật liên quan đến nhiễm HPV ở Việt Nam.	GS.TS. Đặng Đức Anh	Hợp tác song phương với Vương quốc Anh	01/10/2016-30/3/2019	3.670	Đề tài nghiên cứu cơ bản - Đã nghiệm thu
3	Đánh giá thực trạng kháng kháng sinh của vi khuẩn tại Việt Nam, xác định đặc điểm cấu trúc gen và yếu tố liên quan của các vi khuẩn kháng thuốc thường gặp ở Việt Nam.	TS. Trần Huy Hoàng (HNQT/SP ĐP/02.16)		10/01/16-30/3/2019	3.820	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đã nghiệm thu
4	Dịch tễ học vi rút cossakie và echo gây bệnh chân tay miệng tại các tỉnh miền Bắc, Việt Nam, 2013-2017. (Đề tài nhánh cấp Nhà nước)	TS. Trần Thị Nguyễn Hòa		4/2017-01/04/19	1.350	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đã nghiệm thu
5	Nghiên cứu khả năng phát tán và nguy cơ gây bệnh tiêu chảy của Cryptosporidium trong chất thải Biogas ở các hộ gia đình tại Bắc Giang (108.04-2018.09)	TS. Nguyễn Thùy Trâm		12/2018-12/2022	1.200	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đã nghiệm thu

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
6	Phân tích quần thể gen kháng kháng sinh và mối liên quan đến tỉ lệ mang gen NDM và MCR-1 kháng kháng sinh từ các ổ chứa ở cộng đồng tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	TS. Trần Huy Hoàng		9/2018-8/2022	1.225	Đề tài nghiên cứu cơ bản - Đã nghiệm thu

Cấp Bộ và thành phố

1	Nghiên cứu chế tạo bộ kit quantitative realtime PCR (qPCR) định lượng vi khuẩn <i>Fusobacterium nucleatum</i> (Fn) trong mẫu phân góp phần chẩn đoán ung thư đại trực tràng trên địa bàn Hà Nội.	ThS. Hà Thị Phương Mai		7/2021-7/2024	1.650	Đề tài nghiên cứu cơ bản - Đang thực hiện
2	Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ và gánh nặng chi phí điều trị của viêm não vi rút tại 3 tỉnh Tây Bắc Việt Nam, 2017-2018.	PGS. TS. Trần Như Dương		6/2017-6/2020	2.940	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đã nghiệm thu
3	Nghiên cứu chế tạo chứng dương ARN kháng RNase (Armored RNA) cho RT-PCR, ứng dụng trong phát hiện nhiễm virus Zika tại Hà Nội.	Ths. Đỗ Quỳnh Nga		01/2018-8/2020	1.750	Đề tài nghiên cứu ứng dụng – Đã nghiệm thu
4	Nghiên cứu chế tạo một số bộ mẫu chuẩn (panel), nhằm kiểm soát chất lượng xét nghiệm sinh học phân tử và huyết thanh học phát hiện các tác nhân virus cúm và dengue tại một số cơ sở y tế Hà Nội.	Ths. Vũ Thị Kim Liên		8/2017-7/2020	1.450	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đã nghiệm thu

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
Cấp Viện						
1	Mô tả năng lực xét nghiệm vi rút cúm và một số tác nhân lây bệnh truyền từ động vật sang người của các Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật khu vực miền Bắc năm 2024.	TS. Nguyễn Thành Chung		06/2024-06/2025		ĐTNC cơ bản – Đang thực hiện
2	Thực trạng mắc triệu chứng hậu COVID 19 ở trẻ 12-18 tuổi tại tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam, năm 2023.	ThS. Nguyễn Công Khanh		12/2022-6/2024	35,5	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đã nghiệm thu
3	Nghiên cứu đặc điểm sinh học phân tử của Klebsiella pneumoniae và Bacteroides fragilis gây áp xe gan tại bệnh viện Bạch Mai.	ThS. Lê Thị Trang		5/2022-5/2023	100	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đã nghiệm thu
4	Tình trạng trầm cảm sau sinh và các yếu tố liên quan của bà mẹ có con dưới 12 tháng tuổi đến khám và điều trị tại bệnh viện Nhi Hải Dương.	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		5/2022-3/2024	40,2	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu
5	Đánh giá mẫu giấy thấm tách huyết tương cobas® plasma separation card trong xét nghiệm tải lượng HIV trên thực địa tại Việt Nam.	Nguyễn Thị Thanh Bình	Viện Pasteur Paris	12/2021-12/2023	778	ĐTNC cơ bản – Đang thực hiện
6	Xác định cụm lây truyền HIV đang xảy ra bằng phương pháp phân tích cây gia hệ và đột biến kháng thuốc cho hoạt động đáp ứng y tế công cộng tại Việt Nam.	TS Phạm Hồng Thắng	CDC Mỹ	12/2021-6/2024	1011	ĐTNC cơ bản – Đang thực hiện
7	Thực trạng sự sẵn có thuốc thiết yếu trong điều trị tăng huyết áp, đái tháo đường tại một số trạm y tế xã, 2020.	ThS. Tạ Ngọc Hà ThS. Tạ Minh Khuê	Tổ chức PATH	02/2022-12/2022	300	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
8	Nghiên cứu phát hiện vi rút polio và một số vi rút đường ruột trong mẫu nước thải thu thập ngoài môi trường, 2020-2021.	TS. Trần Thị Nguyễn Hoà TS. Vũ Hải Hà	WHO	06/2021-7/2022	690	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu
9	Thực trạng sức khoẻ tâm thần ở nhân viên y tế dự phòng tham gia hoạt động phòng chống dịch Covid-19 tại Việt Nam.	TS. Phạm Quang Thái		01/2021-12/2021	25,5	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu
10	Đặc điểm sinh học phân tử của vi rút SARS- CoV-2 lưu hành tại miền Bắc Việt Nam, 2020-2021.	ThS. Ứng thị Hồng Trang THS. Nguyễn Vũ Sơn		06/2021-03/2022	100	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu
11	Đánh giá đáp ứng miễn dịch, thực trạng triển khai và phản ứng sau tiêm chủng vắc xin Td ở trẻ 7 tuổi tại tỉnh Yên Bái năm 2023.	PGS.TS. Dương Thị Hồng		04/2020-10/2021	198,7	Đề tài nghiên cứu cơ bản – Đã nghiệm thu
12	Đánh giá đáp ứng miễn dịch với vắc xin bại liệt bất hoạt IPV ở trẻ từ 5-11 tháng tuổi tại tỉnh Thanh Hóa.	GS. Đặng Đức Anh TS. Đặng Thị Thanh Huyền		03/2020-12/2021	198,728	ĐTNC cơ bản – Đã nghiệm thu
Đề tài Hợp tác Quốc tế						
1	Giám sát sự thay đổi di truyền học của các vi rút hô hấp gây hội chứng cúm và viêm đường hô hấp cấp tính nặng tại Việt Nam.	Chương trình Nghiên cứu về Chuẩn bị và ứng phó với dịch bệnh (PREPARE) của Bộ Y tế Singapore và quỹ Bill and Melinda Gates thông qua Bệnh Viện Tan Tock Seng, Singapore.		2024-2025		

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
2	Nghiên cứu cơ chế lây truyền Vi rút hợp bào hô hấp trong cộng đồng.	Đại học Nagasaki Nhật Bản		2024-2025		
3	Tăng cường chăm sóc liên tục người sử dụng ma túy dựa vào nhóm cộng đồng tại Việt Nam.	Đại học Tổng hợp California, Los Angeles (UCLA), Hoa Kỳ		2024		
4	Nâng cao năng lực y tế công cộng thiết yếu khu vực miền Bắc Việt Nam giai đoạn 2021-2026.	CDC Hoa Kỳ		2021-2026		
5	Giám sát và đáp ứng với cúm gia cầm và cúm đại dịch tại Việt Nam	CDC Hoa Kỳ		19/1/2023-29/9/2026		
6	Nghiên cứu bệnh than và brucellosis theo cách tiếp cận một sức khỏe tại một số tỉnh miền Bắc Việt Nam.	ĐH Florida – Hoa Kỳ		2020-2024		
7	Xây dựng công cụ dự báo thân thiện với người dùng trong phòng chống sốt xuất huyết Dengue ở Việt Nam.	Đại học Queensland, Úc		2023-2028		
8	Tăng cường tiếp cận xét nghiệm tải lượng vi rút cho bệnh nhân điều trị ARV ở vùng sâu, vùng xa sử dụng mẫu giấy thấm giọt máu kho (MOVIDA Hep2-CE).	ANRS/MIE, CH Pháp, công ty Abbott Hoa Kỳ		6/2023-6/2026		
9	Đánh giá mẫu giấy thấm tách huyết tương Cobas plasma separation card trong xét nghiệm tải lượng HIV trên thực địa tại Việt Nam (MOVIDA 1 ter).	Viện Pasteur Paris		3/2022-3/2023		
10	Xác định nguồn gốc, sự lây truyền và phát tán của chủng coronavirus SARS-CoV-2 trên động vật và côn trùng tại Việt Nam, 2022-2023.	Viện Pasteur Paris		2/2023-12/2023		

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1							
2							

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

KT. Viện trưởng
Phó Viện trưởng



Dương Thị Hồng

